

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 182/2019/HS-PT
Ngày 19 - 6 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Doãn Đình Quyền.

Các Thẩm phán: 1. Ông Trịnh Văn Toàn.

2. Ông Nguyễn Văn Bằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ái Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 162/2019/HSPT ngày 14/5/2019 đối với các bị cáo Lê Thị Lý Thành T và Lê Anh Lý Thành T1 do có kháng cáo của các bị cáo Thành T và Thành T1 đối với bản án hình sự sơ thẩm số 80/2019/HSST ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Các bị cáo có kháng cáo:

1/ Họ và tên: **Lê Thị Lý Thành T**; Sinh ngày 23 tháng 8 năm 1984; Tại: tỉnh Đắk Lắk.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: số nhà 74 đường Đ, phường E, thành phố B tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn P (đã chết), con bà Võ Thị M; bị cáo có chồng là Nguyễn Khắc H, sinh năm: 1985; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay
- Có mặt tại phiên tòa.

2/ Họ và tên: **Lê Anh Lý Thành T1**; Sinh ngày 05 tháng 11 năm 1988; Tại: tỉnh Đắk Lắk.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: số nhà 74 đường Đ, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch Việt Nam; Con ông Lê Văn P (đã chết); con bà Võ Thị

M; Có vợ là Đặng Thị Thu H, sinh năm: 1984, có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 02/11/2018 đến ngày 25/01/2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột ra quyết định hủy bỏ biện pháp tạm giam và áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh đến ngày 18/3/2019 bị bắt tạm giam cho đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 05/5/2018 ông Nguyễn Mạnh H vay của bị cáo Lê Thị Lý Thành T số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Ông H giao cho T giữ 01 xe mô tô (không nhớ biển số), loại xe Ware để làm tin. Đến ngày hẹn trả nợ T tìm đến nhà ông H để đòi nợ nhưng không gặp và điện thoại cho ông H thì không liên lạc được. Đến khoảng 18 giờ ngày 11/8/2018 Lê Anh Lý Thành T1 là em trai của T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Force, màu bạc, biển số 47B1-996.35 chở T đi trên đường Đ, phường T, thành phố B thì gặp chị Lê Trịnh Thu H1 là người quen của T, thường đi lấy nước rác đang điều khiển xe mô tô đi cùng chiều nên T và chị H1 chào hỏi, nói chuyện xã giao với nhau. Khi T, T1 và chị H1 đang đi thì thấy ông H điều khiển xe mô tô biển số 52P6-2823 có gắn 01 cái thùng phía sau đang đi cùng chiều phía trước T liền chỉ tay về phía ông H rồi nói với T1 “Ông H kia, ông có nợ tiền tao”, đồng thời ra hiệu cho T1 đuổi theo thì T1 điều khiển xe mô tô chở T đuổi theo ông H, còn chị H1 thấy vậy nên hiếu kỳ cũng chạy theo để xem. Khi ông H đi đến trước số nhà 203/1 đường Đ, phường T, thành phố B thì T1 đuổi kịp ông H và chặn trước đầu xe của ông H. T xuống xe dùng tay giữ ông H và nói “ông trốn tôi bữa giờ, ông có biết tôi tìm ông vất vả lắm không” đồng thời dùng tay đánh vào mặt của ông H, rồi xảy ra giằng co làm cho kính đeo mắt gọng bằng kim loại, mắt kính màu vàng và 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Mobistar KAT452 của ông H bị rơi xuống đường và hư hỏng. T tiếp tục nắm cổ áo ông H không chế còn T1 đứng bên cạnh T, T nói với ông H “Tiền đâu, đưa tiền đây”, ông H nói “Không có”, T liền tát một cái vào mặt ông H, rồi một tay nắm cổ áo, tay còn lại lục túi của ông H lấy được số tiền 1.400.000 đồng. Lúc này ông H sợ bị đánh nên không dám phản kháng. Sau đó T hỏi tiếp “Còn tiền không” thì ông H trả lời “Không”, T vẫn nắm cổ áo ông H rồi tát ông H 01 cái nữa vào mặt và yêu cầu ông H mở thùng (cốp) phía sau xe mô tô của ông H để kiểm tra thì ông H không đồng ý, nên T nói T1 lấy chìa khóa mở thùng xe của ông H để kiểm tra thì T1 đồng ý. T1 lấy chìa khóa trên xe của ông H và mở thùng xe kiểm tra bên trong thì thấy có tiền; 01 chiếc vòng đeo tay bằng nhựa màu trắng đường kính 7,5

cm; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, mạ vàng Thái trọng lượng khoảng 02 chỉ và 01 giấy đăng ký mô tô xe máy số 0511596 biển số đăng ký: 52P6-2823. T1 lấy toàn bộ tiền trong bóp xe là 19.400.000 đồng và vòng đeo tay ra khỏi thùng xe đưa cho chị H1 nhờ giữ giúp, rồi tiếp tục lấy sợi dây chuyền và giấy đăng ký xe. Sau đó T1 lấy lại toàn bộ tiền, vòng đeo tay từ chỗ chị H1 và số tiền 1.400.000 đồng mà trước đó T chiếm đoạt của ông H và đi vào quán tạp hóa địa chỉ 203/1 đường D, phường T, thành phố B của gia đình anh Nguyễn Ngọc T2 dự định đếm tiền ở đây và nhờ gia đình anh T2 chứng kiến nhưng anh T2 không đồng ý nên T1 đem số tiền lấy được của ông H để xuống lòng đường trước nhà anh T2, nhờ chị H1 đếm giúp nhưng chị H1 không đồng ý. Trong lúc này T vẫn nắm cổ áo của ông H để xem T1 đếm tiền, T1 đếm được tổng số tiền là 20.800.000 đồng, sau khi đếm tiền xong thì T buông ông H ra và T1 đưa toàn bộ số tiền 20.800.000 đồng, 01 giấy đăng ký mô tô xe máy số 0511596 biển số đăng ký: 52P6-2823, 01 sợi dây chuyền và 01 vòng đeo tay của ông H cho T và tất cả đi về nhà. Khoảng 15 phút sau, T và T1 phát hiện còn giữ chiếc chìa khóa xe mô tô của ông H nên T, T1 quay lại trả chìa khóa xe cho ông H, đồng thời T đã trả lại cho ông H sợi dây chuyền đã lấy trước đó. Quá trình sử dụng thì ông H đã làm mất sợi dây chuyền. Ngày 14/8/2018, ông H trình báo sự việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột để giải quyết và tự nguyện giao nộp: 01 kính đeo mắt và 01 điện thoại di động hiệu Mobistar KAT452. Cơ quan điều tra đã triệu tập T, T1 đến làm việc và T đã tự nguyện giao nộp số tiền 20.800.000 đồng, 01 giấy đăng ký mô tô xe máy số 0511596, biển số đăng ký: 52P6-2823, 01 giấy mượn tiền, 01 vòng đeo tay bằng nhựa màu trắng và 01 xe mô tô nhãn hiệu Force, màu bạc biển số 47B1- 996.35.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 260/KLĐG ngày 29/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận:

Tài sản thu hồi được: 01 vòng đeo tay màu trắng, bằng nhựa, đường kính 7,5cm; trị giá 20.000đồng; 01 điện thoại di động Mobistar KAT452, số imei 359545220427299 không khởi động được nguồn, Hội đồng định giá thống nhất không xác định giá trị do không kiểm tra được T1 hình hoạt động của máy; 01 kính đeo mắt, gọng bằng kim loại, mắt kính màu vàng, bị bể 01 bên mắt kính, Hội đồng định giá thống nhất không xác định giá trị, do đã bị bể một bên và gọng bị cong vênh.

Tài sản không thu hồi được: 01 sợi dây chuyền bằng kim loại, mạ vàng Thái, trọng lượng khoảng 02 chỉ, Hội đồng định giá thống nhất không xác định giá trị, do không thu hồi được, không xác định được nguồn gốc, chất liệu.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 02/KLĐG ngày 10 tháng 01 năm 2019,

của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột, kết luận: Chiếc xe mô tô hiệu Force, màu bạc, biển số: 47B1-996.35, số khung: JPF371000094, số máy: 5FM610451, trị giá: 1.600.000 đồng. Kết quả điều tra xác định: Chiếc xe mô tô là tài sản chung của bị cáo Lê Thị Lý Thành T và anh Nguyễn Khắc H.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 80/2019/HSST ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk: Tuyên bố các bị cáo Lê Thị Lý Thành T và Lê Anh Lý Thành T1 phạm tội: “Cướp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 168, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Lý Thành T 03 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Lê Anh Lý Thành T1: 03 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 18/3/2019 (được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/11/2018 đến ngày 25/01/2019).

Ngoài ra án sơ thẩm còn xử lý về bồi thường thiệt hại, về vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 17/4/2019, bị cáo Lê Thị Lý Thành T có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Ngày 19/4/2019, bị cáo Lê Anh Lý Thành T1 có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lê Thị Lý Thành T, Lê Anh Lý Thành T1 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, bị cáo T1 xin được hưởng án treo và các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi mà các bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung vụ án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Lê Thị Lý Thành T, Lê Anh Lý Thành T1 phạm tội: “*Cướp tài sản*” theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Xét mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Lê Thị Lý Thành T 03 năm 03 tháng tù và bị cáo Lê Anh Lý Thành T1 03 năm tù là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo T1 phải cách ly ngoài xã hội là có phần nghiêm khắc. Bởi lẽ bị cáo phạm tội với vai trò là người giúp sức, sau khi phạm tội bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại và được người bị hại bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt, bản thân có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư

trú rõ ràng. Do vậy, đề nghị HĐXX căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật hình sự cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Anh Lý Thành T1 cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội.

Đối với bị cáo Lê Thị Lý Thành T bị cáo là người chủ mưu rủ rê, lôi kéo em mình phạm tội, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lê Thị Lý Thành T không cung cấp thêm T1 tiết giảm nhẹ mới nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo, đề nghị HĐXX căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị Lý Thành T giữ nguyên mức hình phạt xử bị cáo T 03 năm 03 tháng tù.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì và chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lê Anh Lý Thành T1 và bị cáo Lê Thị Lý Thành T xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Lê Thị Lý Thành T và Lê Anh Lý Thành T1 về tội: “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Anh Lý Thành T1 và bị cáo Lê Thị Lý Thành T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, tại phiên tòa phúc thẩm không có thêm T1 tiết giảm nhẹ mới nên không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

[2.2] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Thị Lý Thành T; Nhận thấy bị cáo là người chủ mưu, trực tiếp thực hiện hành vi dùng vũ lực đối với người bị hại, là người rủ rê, lôi kéo em trai mình phạm tội nên không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Lê Thị Lý Thành T,

[2.3] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Anh Lý Thành T1: Nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo T1 phải cách ly ngoài xã hội là có phần nghiêm khắc. Bởi lẽ: Bị cáo phạm tội với vai trò là người giúp sức cho bị cáo T để chiếm đoạt tài sản mà không nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản cho mình, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã bồi thường

thiệt hại cho người bị hại và được người bị hại bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo phạm tội là do chị gái mình (bị cáo T) xúi dục, bản thân bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, nếu cho bị cáo cải tạo ngoài xã hội thì cũng không gây nguy hiểm cho xã hội. Để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật nhà nước ta, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Lê Anh Lý Thành T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Vì không được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Lê Thị Lý Thành T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356; Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị Lý Thành T; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Anh Lý Thành T1; Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 80/2019/HSST ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng khoản 1 Điều 168, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Lý Thành T 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 168, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Anh Lý Thành T1 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Trong thời gian thử thách giao bị cáo Lê Anh Lý Thành T1 cho Ủy ban nhân dân phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo T1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên trả tự do cho bị cáo Lê Anh Lý Thành T1 ngay tại phiên tòa(nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác).

[2] Về án phí: Bị cáo Lê Thị Lý Thành T phải chịu 200.000đ án phí Hình sự phúc thẩm. Bị cáo Lê Anh Lý Thành T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Văn phòng CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp Buôn Ma Thuột;
- VKSND Tp Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp Buôn Ma Thuột;
- Chi cục T.H.A.DS Tp B;
- Cơ quan T.H.A HS Công an Tp Buôn Ma Thuột;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Doãn Đình Quyền